

Bản án số: 02/2018/TCDS - ST

Ngày: 26-4-2018

V/v tranh chấp “Chia di sản thừa
kế và tặng cho tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỤ BẢN, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Gấm.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đình Mạnh.

2. Bà Trần Thị Định.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Ninh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện

V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà Trần Hoàng Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2017/TLST - DS ngày 05 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “Chia di sản thừa kế và tặng cho tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXX-ST ngày 16 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- N đơn: Ông Nguyễn Văn P – sinh năm 1948.

Trú tại: Thôn Hạ, xã Minh Tân, huyện V, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thành T – sinh năm 1971.

Trú tại: Thôn Hạ, xã Minh Tân, huyện V, tỉnh Nam Định.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị T1 – sinh năm 1974.

Trú tại: Xóm 3, xã Kim Thái, huyện V, tỉnh Nam Định.

2. Chị Nguyễn Thị N – sinh năm 1977.

Trú tại: Thôn Hạ, xã Minh Tân, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

3. Chị Nguyễn Thị N2 – sinh năm 1981.

Trú tại: Giáp Ba, xã Quang Trung, huyện V, tỉnh Nam Định.

4. Anh Nguyễn Văn D – sinh năm 1982.

Trú tại: Thôn Hạ, xã Minh Tân, huyện V, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của chị N2 và chị N: Chị Nguyễn Thị T1; sinh năm 1974; Trú tại: Xóm 3, xã Kim Thái, huyện V, tỉnh Nam Định (Theo giấy ủy quyền ngày 02-3-2018).

Tại phiên tòa: Có mặt ông P, chị T1, anh D. Anh T vắng mặt, có đơn xin được xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn P trình bày như sau: Ông và bà Phạm Thị M kết hôn hợp pháp vào năm 1967 và sinh được 05 người con gồm: Anh Nguyễn Thành T, chị Nguyễn Thị T1, chị Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị N2, anh Nguyễn Văn D. Hiện nay tất cả các con của ông bà đã trưởng thành, tự lập và có gia đình riêng. Trong quá trình chung sống ông và bà M tạo lập được 02 thửa đất ở thôn Hạ, xã Minh Tân, huyện V: 01 thửa đất và công trình xây dựng trên đất ông bà đã chuyển quyền sử dụng cho con cả là Nguyễn Thành T vào khoảng năm 1996; 01 thửa đất còn lại đã được Ủy ban nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1436 QSDĐ 36QĐ/UB ngày 14-3-1997 cho hộ ông Nguyễn Văn P, tại xã Minh Tân, huyện V thuộc tờ bản đồ số 17, số thửa 290 có diện tích đất ở lâu dài là 200m², trên đất có các công trình xây dựng gồm: 03 gian nhà cấp 04 xây dựng vào năm 1997, 01 nhà 02 tầng + công trình phụ diện tích 60m² xây dựng vào năm 2008.

Ngày 25-5-2015 bà Phạm Thị M chết và không để lại di chúc.

Khi bà M còn sống, ông bà luôn có quan điểm là con trai cả (anh T) đã được ông bà cho đất vào năm 1996 thì thửa đất còn lại hiện đứng tên hộ ông Nguyễn Văn P sau này sẽ chuyển quyền sử dụng cho con trai út là Nguyễn Văn D. Sau khi bà M qua đời, ông tiến hành làm các thủ tục để chuyển quyền sử dụng đất cho anh D thì anh T không đồng ý ký tên. Vậy ông P đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của bà M theo quy định của pháp luật, còn phần tài sản riêng của ông trong khối tài sản chung của ông và bà M thì ông tặng lại cho con trai út là anh Nguyễn Văn D.

Về thửa đất và công trình xây dựng trên đất ông bà đã chuyển quyền sử dụng cho con cả là anh Nguyễn Thành T vào khoảng năm 1996 ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ông P xác định tài sản chung của ông và bà M đề nghị phân chia gồm:

- Thửa đất số 290, tờ bản đồ số 17 có diện tích đất ở lâu dài là 200m² đã được Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 228075 ngày 14-3-1997, đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hộ ông Nguyễn Văn P tại xã Minh Tân, huyện V, tỉnh Nam Định. Theo Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số 1436 QSDĐ 36QĐ/UB ngày 14-3-1997 Ủy ban nhân dân huyện V cấp cho hộ ông Nguyễn Văn P thì tổng diện tích đất là 4.932m^2 trong đó có 200m^2 là đất ở lâu dài, còn lại là đất ao nuôi cá, đất 2 vụ lúa. Ông P chỉ đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết về diện tích đất ở lâu dài là 200m^2 , còn lại đất ao nuôi cá và đất 2 vụ lúa ông không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết. Diện tích đất ở lâu dài 200m^2 có các chiều: Phía đông dài 18.1m giáp đất hộ ông Sơn, phía tây dài 23.6m giáp đất hộ ông Lộc, phía nam dài 14.8m giáp đường làng, phía bắc dài 14.9m giáp đất ao nuôi cá của hộ ông P, trị giá đất: $200\text{m}^2 \times 350.000 \text{ đồng}/\text{m}^2 = 70.000.000 \text{ đồng}$ (Bảy mươi triệu đồng);

- Các tài sản trên đất gồm: 01 nhà lợp ngói diện tích $44,46\text{m}^2$ trị giá 9.189.000 đồng và 01 nhà 02 tầng diện tích 60 m^2 , có công trình phụ khép kín trị giá 72.921.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản chung của ông và bà M là: 152.110.000 đồng.

Sau khi bà M qua đời ông và gia đình anh Nguyễn Văn D sinh sống trên thửa đất này nhưng không tạo lập, kiến thiết được thêm tài sản gì.

Quan điểm của P đề nghị phân chia như sau:

Tổng giá trị tài sản chung của ông và bà M là: 152.110.000 đồng. Các tài sản này đều do ông và bà M tạo dựng nên do đó ông và bà M mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ diện tích đất và $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản trên đất. Như vậy, di sản thừa kế của bà M gồm diện tích đất 100m^2 trị giá 35.000.000 đồng và trị giá các tài sản trên đất là 41.055.000 đồng, tổng giá trị di sản thừa kế của bà M là 76.055.000 đồng. Phần tài sản riêng của ông là 100m^2 đất trị giá 35.000.000 đồng và trị giá các tài sản trên đất là 41.055.000 đồng. Tổng giá trị tài sản riêng của ông là 76.055.000 đồng.

- Toàn bộ phần tài sản riêng của ông trị giá 76.055.000 đồng, ông đề nghị được tặng cho con trai út là anh Nguyễn Văn D.

- Phần thừa kế của chị T1, chị N, chị N2 tặng cho ông thì ông xin nhận; Phần thừa kế anh T từ chối nhận, chị T1, chị N2, chị N, anh D không nhận mà giao lại cho ông thì ông cũng xin được nhận.

- Về phân chia di sản thừa kế của bà M: Di sản của bà M trị giá 76.055.000 đồng, được chia cho ông, anh T, chị T1, chị N2, chị N, anh D, mỗi người được hưởng là: 12.675.000 đồng. Ông nhận phần thừa kế của ông, anh T, chị T1, chị N, chị N2 do đó trong khối di sản thừa kế của bà M, ông đề nghị được quản lý, sử dụng diện tích đất 85m^2 về phía đông, có các cạnh: Phía đông dài 14,1m giáp đất hộ ông Sơn; phía tây dài 14,0m giáp phần đất ông tặng cho anh D; phía nam dài 6,4m giáp đường làng; phía bắc dài 6,2m giáp đất ao nuôi cá hộ ông P; trị giá đất: $85\text{m}^2 \times 350.000\text{đ}/\text{m}^2 = 29.750.000\text{đ}$ (Hai mươi chín triệu bảy trăm năm mươi nghìn

đồng). Trên đất không có công trình xây dựng. Phần diện tích đất còn lại trong di sản thừa kế của bà M là $15 \text{ m}^2 \times 350.000\text{đ}/\text{m}^2 = 5.250.000$ đồng và trị giá các công trình xây dựng 41.055.000 đồng, tổng là 46.305.000 đồng ông đề nghị giao cho anh D được quản lý, sử dụng nhưng anh D phải có trách nhiệm thanh toán cho ông số tiền 33.630.000 đồng. Phần tài sản thừa kế còn lại anh D được hưởng là 12.675.000 đồng. Như vậy phần di sản thừa kế ông được hưởng trị giá 29.750.000 đồng và phần tài sản ông được anh D thanh toán 33.630.000 đồng, tổng tài sản ông được hưởng là 63.380.000 đồng.

- Ông tự nguyện tặng cho anh D toàn bộ tài sản riêng của ông gồm diện tích đất ở lâu dài 100m^2 trị giá 35.000.000 đồng và các tài sản xây dựng trên đất trị giá 41.055.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 11-10-2017, bị đơn là anh Nguyễn Thành T trình bày: Anh T xác định bà Phạm Thị M chết vào ngày 25-5-2015 (tức ngày 08-4-2015 âm lịch). Khối tài sản chung của ông P và bà M gồm: Thửa đất số 290 thuộc tờ bản đồ số 17, diện tích 200m^2 tại xã Minh Tân, huyện V, tỉnh Nam Định; trên đất có công trình nhà cấp 4 và nhà 02 tầng. Di sản thừa kế của bà M nằm trong khối tài sản trên. Bà M chết không để lại di chúc. Ông P khởi kiện đề nghị chia di sản thừa kế của bà M theo quy định của pháp luật, anh xác định bản thân không có tranh chấp gì, nếu được chia kỹ phần thừa kế thì anh từ chối nhận phần di sản này và anh để cho ông P toàn quyền quyết định về khối di sản. Vì điều kiện phải đi làm ăn xa nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh.

Tại bản tự khai ngày 26-10-2017, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa anh Nguyễn Văn D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Anh hoàn toàn nhất trí với quan điểm của ông P về khối tài sản chung của ông P và bà M, về di sản thừa kế, những người được hưởng thừa kế, việc phân chia di sản thừa kế theo pháp luật như ông P trình bày và việc ông P tặng cho tài sản riêng của ông cho anh.

- Phần thừa kế của chị T1, chị N, chị N2 tặng cho ông P anh không có ý kiến gì. Phần thừa kế anh T từ chối nhận, anh cũng không nhận mà giao lại cho ông P.

- Ông P tặng cho anh toàn bộ tài sản riêng của ông gồm diện tích đất 100m^2 về phía tây trị giá 35.000.000 đồng và các công trình xây dựng trên đất trị giá 41.055.000 đồng anh nhất trí.

Anh D nhất trí nhận các tài sản gồm: Phần diện tích đất ông P tặng cho riêng là 100m^2 và phần diện tích đất thừa kế của bà M còn lại 15m^2 , tổng là 115m^2 về phía tây, trên đất có các công trình xây dựng gồm: 03 gian nhà cấp 04 xây dựng vào năm 1997, diện tích $44,46 \text{ m}^2$ trị giá 9.189.000 đồng; 01 nhà 02 tầng diện tích 60m^2 xây dựng vào năm 2008, giá trị 72.921.000 đồng. Diện tích đất có các cạnh:

Phía đông dài 14,0m giáp đất ông P nhận chia thừa kế; phía Tây dài 14,0m giáp đất hộ ông Lộc; phía nam dài 8,4m giáp đường đi; phía bắc dài 8,7m giáp đất ao nuôi cá của hộ ông P. Trị giá đất: $115\text{m}^2 \times 350.000\text{đ}/\text{m}^2 = 40.250.000\text{đ}$. Tổng giá trị tài sản anh được hưởng: 122.366.000đ (Một trăm hai mươi hai triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Anh D đồng ý thanh toán cho ông P số tiền 33.630.000 đồng.

- Ông P không yêu cầu giải quyết về thổ đất đã cho vợ chồng anh T vào năm 1996; diện tích đất ao nuôi cá, diện tích đất 2 vụ lúa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất số 1436 QSDĐ 36QĐ/UB ngày 14-3-1997 cấp cho hộ ông Nguyễn Văn P, tại xã Minh Tân, huyện V, anh không có ý kiến gì.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thị T1, chị Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị N2 hoàn toàn đồng ý với lời trình bày và quan điểm của ông P về khối tài sản chung của ông P và bà M, về di sản thừa kế, những người được hưởng thừa kế, việc phân chia di sản thừa kế theo pháp luật như ông P trình bày và việc ông P tặng cho tài sản riêng của ông P cho anh D. Phần thừa kế của anh T, anh T từ chối nhận, các chị cũng không nhận mà giao cho ông P được nhận.

- Ông P không yêu cầu giải quyết về thổ đất đã cho vợ chồng anh T vào năm 1996; diện tích đất ao nuôi cá, diện tích đất 2 vụ lúa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất số 1436 QSDĐ 36QĐ/UB ngày 14-3-1997 cấp cho hộ ông Nguyễn Văn P, tại xã Minh Tân, huyện V, các chị không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng.

- Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào Căn cứ vào Điều 609; Điều 610; Điều 611; Điều 612; Điều 613; Điều 614 Điều 623; Điều 649; Điều 650; Điều 651, Điều 660; Điều 192; Điều 194; Điều 457 Điều Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 26; Điều 227; Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 12; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P về việc chia di sản thừa kế của bà Phạm Thị M theo pháp luật và việc ông Nguyễn Văn P tặng cho tài sản riêng của ông cho anh Nguyễn Văn D.

+ Xác định di sản thừa kế của bà Phạm Thị M gồm diện tích đất ở lâu dài 100 m² tại thửa đất số 290, tờ bản đồ số 17, được Ủy ban nhân dân huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 228075 ngày 14-3-1997, đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hộ ông Nguyễn Văn P tại xã Minh Tân, huyện V, tỉnh Nam Định, trị giá 35.000.000 đồng và các tài sản trên đất trị giá 41.055.000 đồng, tổng giá trị di sản thừa kế của bà M là 76.055.000 đồng, được chia cho 06 kỹ phần thừa kế gồm: Ông Nguyễn Văn P, anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị T1, chị Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị N2, anh Nguyễn Văn D, mỗi kỹ phần thừa kế được hưởng 12.675.000 đồng.

+ Chấp nhận nguyện vọng của anh Nguyễn Văn T từ chối không nhận di sản thừa kế của bà Phạm Thị M, và nguyện vọng của anh Nguyễn Văn D, chị Nguyễn Thị T1, chị Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị N2 giao lại kỹ phần thừa kế anh T từ chối nhận cho ông Nguyễn Văn P.

+ Chấp nhận nguyện vọng của chị Nguyễn Thị T1, chị Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị N2 tặng lại toàn bộ kỹ phần thừa kế của các chị cho ông Nguyễn Văn P.

+ Ông Nguyễn Văn P được hưởng kỹ phần thừa kế của ông, anh T, chị T1, chị N, chị N2 gồm diện tích đất ở lâu dài 85m² về phía đông của thửa đất số 290, tờ bản đồ số 17, được Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 228075 ngày 14-3-1997, đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hộ ông Nguyễn Văn P tại xã Minh Tân, huyện V, tỉnh Nam Định. Diện tích đất có các cạnh: Phía đông dài 14,1m giáp đất hộ ông Sơn; phía tây dài 14,0m giáp đất anh D nhận thừa kế; phía nam dài 6,4m giáp đường làng; phía bắc dài 6,2m giáp đất ao nuôi cá hộ ông P. Trị giá đất: $85\text{m}^2 \times 350.000\text{đ/m}^2 = 29.750.000$ đồng và ông P được nhận tiền thanh toán chênh lệch tài sản từ anh Nguyễn Văn D số tiền 33.630.000 đồng. Trị giá tài sản ông P được hưởng là 63.380.000 đồng.

+ Anh Nguyễn Văn D được nhận kỹ phần thừa kế của bà M gồm diện tích đất 15 m² x 350.000 đồng/ m² = 5.250.000 đồng và các tài sản xây dựng trên đất trị giá 41.055.000 đồng. Tổng giá trị tài sản thừa kế anh D được hưởng là 56.305.000 đồng nhưng anh D phải thanh toán tiền chênh lệch về tài sản cho ông P số tiền 33.630.000 đồng, tài sản thừa kế còn lại anh D được hưởng là 12.675.000 đồng.

+ Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn P tặng cho toàn bộ tài sản riêng của ông trong khối tài sản chung của ông và bà M cho anh Nguyễn Văn D gồm: diện tích đất ở lâu dài là 100m² về phía tây tại tờ bản đồ số 17, thửa đất số 290, được Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 228075 ngày 14-3-1997, đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hộ

ông Nguyễn Văn P tại xã Minh Tân, huyện V, tỉnh Nam Định, trị giá 35.000.000 đồng và các tài sản xây dựng trên đất trị giá 41.055.000 đồng, tổng cộng là 76.055.000 đồng.

+ Anh Nguyễn Văn D được nhận kỷ phần thừa kế của bà M và tài sản anh D được ông P tặng cho riêng. Như vậy các tài sản anh D được sở hữu, quản lý và sử dụng gồm: diện tích đất ở lâu dài 115m² về phía tây có các chiều: Phía đông dài 14,0m giáp đất ông P nhận được chia thừa kế; phía tây dài 14,0m giáp đất hộ ông Lộc; phía nam dài 8,4m giáp đường đi; phía bắc dài 8,7m giáp đất ao nuôi cá hộ ông P, giá trị đất: 115m² x 350.000đ/m² = 40.250.000đ. Trên đất có các công trình xây dựng gồm: 03 gian nhà cấp 04 xây dựng vào năm 1997, diện tích 44,46 m², giá trị 9.189.000 đồng; 01 nhà 02 tầng diện tích 60m² xây dựng vào năm 2008, giá trị 72.921.000đ, tổng giá trị tài sản anh D được hưởng là 122.360.000đ (Một trăm hai mươi hai triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn đồng). Anh D có trách nhiệm thanh toán cho ông P số tiền 33.630.000 đồng, phần tài sản anh D còn được hưởng là 88.730.000 đồng (Tám mươi tám triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng).

+ Về các nội dung khác: Đương sự không đề nghị nên đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến gì.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh D phải nộp theo quy định của pháp luật, ông P được miễn vì là người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thời điểm mở thừa kế: Các đương sự đều trình bày bà Phạm Thị M chết vào ngày 25-5-2015 không để lại di chúc do đó thời điểm mở thừa kế là ngày 25-5-2015.

[2] Về diện và hàng thừa kế: Ông Nguyễn Văn P và bà Phạm Thị M kết hôn hợp pháp và sinh được 05 người con gồm: Nguyễn Thành T, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị N2 và Nguyễn Văn D. Các con của ông P và bà M là anh T, chị T1, chị N, chị N2 và anh D đều đã trưởng thành, có gia đình riêng, vì vậy xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà M gồm: Ông P, anh T, chị T1, chị N, chị N2, anh D thuộc diện thừa kế di sản của bà M theo quy định tại Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về di sản thừa kế: Các đương sự đều xác định di sản thừa kế của bà M nằm trong khối tài sản chung của ông P và bà M. Tài sản chung của ông P và bà M gồm: Thửa đất số 290, tờ bản đồ số 17 có diện tích đất ở lâu dài là 200m² đã được

Ủy ban nhân dân huyện V giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 228075 ngày 14-3-1997, đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hộ ông Nguyễn Văn P tại xã Minh Tân, huyện V, tỉnh Nam Định. Diện tích đất có các chiều: Phía đông dài 18.1 mét giáp đất hộ ông Sơn, phía tây dài 23.6m giáp đất hộ ông Lộc, phía nam dài 14.8m giáp đường làng, phía bắc dài 14.9m giáp đất ao nuôi cá của hộ ông P, trị giá đất: $200\text{m}^2 \times 350.000 \text{ đồng/m}^2 = 70.000.000 \text{ đồng}$; Các tài sản trên đất gồm: 01 nhà lợp ngói diện tích $44,46\text{m}^2$ trị giá 9.189.000 đồng và 01 nhà 02 tầng, có công trình phụ khép kín trị giá 72.921.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chung của ông P, bà M là: 152.110.000đ (Một trăm năm mươi hai triệu một trăm mười nghìn đồng). Từ khi bà M chết ông P và anh D quản lý và sử dụng toàn bộ các tài sản trên, ông P và anh D không kiến thiết, tạo lập thêm được tài sản nào khác. Các tài sản này đều do ông P và bà M tạo dựng trong quá trình hôn nhân nên ông P và bà M có quyền và nghĩa vụ ngang nhau. Như vậy, di sản thừa kế của bà M là $\frac{1}{2}$ tài sản trong khối tài sản chung của ông P và bà M gồm: diện tích đất ở lâu dài 100m^2 trị giá 35.000.000 đồng và các tài sản trên đất trị giá 41.055.000 đồng, tổng giá trị di sản thừa kế của bà M là 76.055.000 đồng. Các tài sản còn lại gồm diện tích đất ở lâu dài 100m^2 trị giá 35.000.000 đồng và các tài sản trên đất trị giá 41.055.000 đồng, tổng 76.055.000 đồng là tài sản riêng của ông P.

[4] Anh Nguyễn Văn T từ chối nhận di sản thừa kế của bà M, anh T đề nghị để ông P tự quyết định về kỹ phần thừa kế anh được hưởng; Chị T1, chị N, chị N2, anh D từ chối nhận kỹ phần thừa kế của anh T và cùng nhất trí giao kỹ phần thừa kế này cho ông P. Kỹ phần thừa kế của chị T1, chị N, chị N2 tặng cho ông P, ông P cũng nhất trí do đó chấp nhận sự tự nguyện của các đương sự.

[5] Ông P, chị T1, chị N, chị N2, anh D đều thống nhất: Phần di sản thừa kế của bà M trị giá 76.055.000 đồng được chia đều cho 06 kỹ phần gồm: ông P, anh T, chị T1, chị N2, chị N và anh D, mỗi kỹ phần được hưởng là: 12.675.000 đồng. Trong diện tích đất thừa kế của bà M là 100 m^2 , ông P nhận được quản lý, sử dụng diện tích đất 85m^2 về phía đông, có các cạnh: Phía đông dài 14,1m giáp đất hộ ông Sơn; phía tây dài 14,0m giáp phần đất ông P tặng cho anh D; phía nam dài 6,4m giáp đường làng; phía bắc dài 6,2m giáp đất ao nuôi cá hộ ông P. Trị giá đất: $85\text{m}^2 \times 350.000\text{đ/m}^2 = 29.750.000 \text{ đồng}$. Trên đất không có công trình xây dựng. Phần di sản thừa kế còn lại của bà M là diện tích đất $15\text{m}^2 \times 350.000\text{đ/m}^2 = 5.250.000 \text{ đồng}$ và trị giá công trình xây dựng trên đất là 41.055.000 đồng, tổng 46.305.000 đồng giao cho anh D được sở hữu, quản lý, sử dụng nhưng anh D phải thanh toán tiền chênh lệch về tài sản cho ông P số tiền 33.630.000 đồng (tài sản thừa kế anh D được hưởng là 12.675.000 đồng). Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận phân chia

của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật do đó được chấp nhận.

[6] Ông P tự nguyện tặng cho anh D toàn bộ tài sản riêng của ông gồm diện tích đất ở lâu dài 100m² về phía tây trị giá 35.000.000 đồng trên đất có các công trình xây dựng trị giá 41.055.000 đồng, tổng cộng 76.055.000 đồng, anh D cũng nhất trí nhận do đó Hội đồng xét xử sẽ ghi nhận sự tự nguyện của ông P và anh D.

[7] Ông P, chị T1, chị N, chị N2 và anh D cùng thống nhất: Anh Nguyễn Văn D được nhận kỷ phần thừa kế của bà M là diện tích đất 15m² về phía tây trị giá 5.250.000 đồng và các tài sản trên đất trị giá 41.055.000 đồng, đồng thời anh D được nhận tài sản ông P tặng cho riêng là 76.055.000 đồng, gồm diện tích đất 100m² về phía tây và các công trình xây dựng trên đất trị giá 41.055.000 đồng. Như vậy tổng tài sản anh D được hưởng thừa kế của bà M và tài sản anh D được ông P tặng cho riêng gồm: diện tích đất 115m² có các chiều: Phía đông dài 14,0m giáp đất ông P nhận được chia thừa kế; phía Tây dài 14,0m giáp đất ông Lộc; phía Nam dài 8,4m giáp đường đi; phía Bắc dài 8,7m giáp đất ao thầu nuôi trồng T1 sản của hộ ông P, giá trị đất: $115\text{m}^2 \times 350.000\text{đ}/\text{m}^2 = 40.250.000$ đồng. Trên đất có các công trình xây dựng gồm: 03 gian nhà cấp 04 xây dựng vào năm 1997, diện tích 44,46 m², giá trị 9.189.000 đồng; 01 nhà 02 tầng diện tích 60m² xây dựng vào năm 2008, giá trị 72.921.000 đồng. Tổng giá trị tài sản anh D được hưởng: 122.360.000đ (Một trăm hai mươi hai triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn đồng). Anh D thanh toán cho ông P số tiền 33.630.000 đồng, phần tài sản anh D còn được hưởng là 88.730.000 đồng. Xét sự thỏa thuận của ông P, chị T1, chị N, chị N2, anh D và sự tự nguyện của ông P là phù hợp nên được chấp nhận.

[8] Về diện tích đất ao nuôi cá; đất 2 vụ lúa; diện tích nhà đất ông P bà M đã chuyển nhượng cho anh T từ năm 1996 và các khoản chi phí về mai táng phí, nghĩa vụ tài sản do người chết để lại, về trợ cấp cho người sống nương nhờ và các nội dung khác có liên quan: Đương sự không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Nguyễn Văn D được nhận tổng giá trị tài sản là 88.730.000 đồng do đó anh D phải nộp án phí là 88.730.000 đồng x 5% giá trị tài sản = 4.437.000 đồng.

- Ông Nguyễn Văn P được quản lý sử dụng diện tích đất 85m² trị giá 29.750.000 đồng và được nhận từ anh D số tiền 33.630.000 đồng nhưng ông P đã trên 60 tuổi, thuộc đối tượng người cao tuổi nên được miễn án phí về phần tài sản thừa kế được hưởng

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 609; Điều 610; Điều 611; Điều 612; Điều 613; Điều 614 Điều 623; Điều 649; Điều 650; Điều 651, Điều 660; Điều 192; Điều 194; Điều 457 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 26; Điều 227; Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 12; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P về việc chia di sản thừa kế của bà Phạm Thị M theo pháp luật và việc ông Nguyễn Văn P tặng cho tài sản riêng của ông cho anh Nguyễn Văn D.

2. Xác định di sản thừa kế của bà Phạm Thị M gồm diện tích đất ở lâu dài 100m² tại thửa đất số 290, tờ bản đồ số 17, được Ủy ban nhân dân huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 228075 ngày 14-3-1997, đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hộ ông Nguyễn Văn P tại xã Minh Tân, huyện V, tỉnh Nam Định, trị giá 35.000.000 đồng và các tài sản trên đất trị giá 41.055.000 đồng, tổng giá trị di sản thừa kế của bà M là 76.055.000 đồng, được chia cho 06 kỹ phần thừa kế gồm: Ông Nguyễn Văn P, anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị T1, chị Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị N2, anh Nguyễn Văn D, mỗi kỹ phần thừa kế được hưởng 12.675.000 đồng.

3. Chấp nhận nguyện vọng của anh Nguyễn Văn T từ chối không nhận di sản thừa kế của bà Phạm Thị M, và nguyện vọng của anh Nguyễn Văn D, chị Nguyễn Thị T1, chị Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị N2 giao lại kỹ phần thừa kế anh T từ chối nhận cho ông Nguyễn Văn P.

4. Ghi nhận sự thỏa thuận của ông P, chị T1, chị N, chị N2, anh D về phân chia di sản thừa kế của bà M và sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn P tặng cho toàn bộ tài sản riêng của ông trong khối tài sản chung của ông và bà M cho anh Nguyễn Văn D như sau:

- Ông Nguyễn Văn P được quản lý, sử dụng diện tích đất ở lâu dài 85m² về phía đông của thửa đất số 290, tờ bản đồ số 17, được Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 228075 ngày 14-3-1997, đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hộ ông Nguyễn Văn P tại xã Minh Tân, huyện V, tỉnh Nam Định. Trên đất không có công trình xây dựng. Diện tích đất có các cạnh: Phía đông dài 14,1m giáp đất hộ ông Sơn; phía tây dài 14,0m giáp đất anh D được

thừa kế; phía nam dài 6,4m giáp đường làng; phía bắc dài 6,2m giáp đất ao nuôi cá hộ ông P, trị giá đất: $85m^2 \times 350.000đ/m^2 = 29.750.000$ đồng và ông P được nhận tiền thanh toán chênh lệch tài sản từ anh Nguyễn Văn D số tiền 33.630.000 đồng. Tổng giá trị tài sản ông P được hưởng là 63.380.000 đồng (Sáu mươi ba triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng).

- Anh Nguyễn Văn D được sở hữu, quản lý và sử dụng: Diện tích đất ở lâu dài $115m^2$ về phía tây có các chiều: Phía đông dài 14,0m giáp đất ông P được chia thừa kế; phía tây dài 14,0m giáp đất hộ ông Lộc; phía nam dài 8,4m giáp đường đi; phía bắc dài 8,7m giáp đất ao nuôi cá hộ ông P, giá trị đất: $115m^2 \times 350.000đ/m^2 = 40.250.000đ$. Trên đất có các công trình xây dựng gồm: 03 gian nhà cấp 04 xây dựng vào năm 1997, diện tích $44,46m^2$, giá trị 9.189.000 đồng; 01 nhà 02 tầng diện tích $60m^2$ xây dựng vào năm 2008, giá trị 72.921.000đ, tổng giá trị tài sản anh D được hưởng là 122.360.000đ (Một trăm hai mươi hai triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn đồng). Anh D có trách nhiệm thanh toán cho ông P số tiền 33.630.000 đồng, phần tài sản anh D còn được hưởng là 88.730.000 đồng (Tám mươi tám triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng).

(Có sơ đồ phân chia đất kèm theo).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

8. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn P được miễn.
- Anh Nguyễn Văn D phải nộp 4.437.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm ba bảy nghìn đồng).

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Minh Tân, huyện V, tỉnh Nam Định.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh + huyện;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã Minh Tân;
- Lưu HS, VP.

Bùi Thị Gấm